

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày 13- 01 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Chiêm và ông Trần Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/HSST-QĐ ngày 29/12/2022 đối với bị cáo:

1. Bế Văn T (tên gọi khác: không) sinh ngày 1x/0x/19xx tại xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn K (Đã chết) và bà Nông Thị D; có vợ là Vũ Thị T2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Xuân, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, theo quyết định số 316/QĐ-TGPL ngày 13/10/2022 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng, "Vắng mặt";

2. Người có quyền lợi liên quan: Bà Vũ Thị T2, sinh năm 19xx, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Bàn Thị H, sinh năm 19xx, "Vắng mặt";

Địa chỉ: Tổ 1, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Chu Đức T3, sinh năm 19xx, "Vắng mặt";

Địa chỉ: Tổ nhân dân B, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 20/9/2022, tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác tội phạm ma túy thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Công an xã C tiến hành tuần tra kiểm soát tình hình an ninh trị an trên địa bàn xã C thì phát hiện một nam giới đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra thì xác định được đối tượng là Bé Văn T trú tại tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Qua kiểm tra thì phát hiện trên bàn tay trái của T đang cầm 01 gói ma túy. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bé Văn T vào hồi 16 giờ 40 phút ngày 20/9/2022. Bé Văn T đã tự nguyện giao nộp cho tổ công tác 01 gói nylon trong suốt, bên trong gói nylon này có 01 lớp nylon màu xanh, bên trong lớp nylon màu xanh là 01 lớp nylon loại vỏ đựng bom kim tiêm, bên trong lớp nylon này là 01 lớp giấy mặt màu trắng, bên trong lớp giấy màu trắng là 01 lớp giấy một mặt màu trắng và một mặt có nhiều chữ và số. Bên trong gói giấy này có chứa chất màu trắng dạng cục lẫn bột nghi là ma túy; tổ công tác tiến hành trích một lượng nhỏ chất màu trắng thử với thuốc thử Heroine, kết quả thuốc thử chuyển sang màu tím trùng với màu nhận biết Heroine. Sau đó tổ công tác đã gói lại như ban đầu và niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 xe mô tô nói trên, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đứng tên Bàn Thị H.

Hồi 18 giờ 10 phút ngày 20/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện N lập biên bản tiến hành xét nghiệm nhanh ma túy đối với Bé Văn T, kết quả dương tính, T có sử dụng ma túy.

Hồi 18 giờ 50 phút ngày 20/9/2022, tại trụ sở Công an huyện N cùng có mặt Bé Văn T đã tiến hành cân xác định khối lượng chất bột lẫn cục màu trắng mà T đã giao nộp. Kết quả số chất bột lẫn cục màu trắng đã thu giữ có tổng khối lượng là 2,959g. Sau khi cân xác định khối lượng, số chất bột lẫn cục màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu B1 để làm thủ tục gửi giám định theo quyết định trưng cầu giám định số 30 ngày 21/9/2022.

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 20/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện N thi hành lệnh khám xét khẩn cấp số 17 ngày 20/9/2022 đối với nơi ở, công trình phụ cận của Bé Văn T tại tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhưng không phát hiện, tạm giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 206/KL-KTHS-MT ngày 28/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục lẫn bột trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 2,959g. Sau giám định mẫu chất bột gửi giám định còn 2,830g cùng phong bì, bao gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T173 hoàn trả lại cho cơ quan trưng cầu.

Quá trình điều tra Bé Văn T thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo thủ tục tố tụng hình sự trong giai đoạn điều tra, truy tố và ăn năn hối cải.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T173; 01 phong bì niêm phong có ký hiệu B2;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx;

- 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0355xx mang tên Bàn Thị H, sinh năm 19xx, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Các vật chứng hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Với các tình tiết trên, tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKS-NR ngày 24/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử Bé Văn T về: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

Tại phiên tòa, Bé Văn T khai nhận toàn bộ hành vi, động cơ, mục đích phạm tội của mình đúng như lời khai của T tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. Thảo còn khai nhận, do nghiện ma túy từ năm 2005 cho đến ngày bị bắt nên đã tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất ma túy. Ngoài lần mua ma túy vào ngày 20/9/2022 thì T còn được nhiều lần mua ma túy của người khác nhưng không rõ lai lịch của người bán ma túy. Còn chiếc xe mô tô T sử dụng để đi mua ma túy là tài sản chung của gia đình. Ngày 20/9/2022, T chỉ mượn xe để đến Trung tâm y tế huyện N uống Methadone và vợ T không biết việc T mượn xe mô tô để đi mua ma túy nên đề nghị cơ quan chức năng trả lại xe và giấy đăng ký xe cho vợ chồng T. Ngoài ra T không bị cơ quan chức năng tạm giữ đồ vật, tài sản gì. Đối hình phạt bổ sung theo khoản 5, Điều 249 của Bộ luật hình sự thì T cho biết bản thân là người nghiện ma túy; nghề nghiệp không có và thuộc hộ cận nghèo nên xin được miễn hình phạt bổ sung. Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đến mức thấp nhất và xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt – Bà Vũ Thị T2 trình bày: Bà là vợ của Bé Văn T. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx kèm 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0355xx mang tên Bàn Thị H, sinh năm 19xx, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được bà dùng tiền tích cóp riêng và vay tiền của người khác để mua lại của ông Chu Đức T3 với giá 12.500.000,đ và có lập giấy bán (Cho tặng) xe để làm phương tiện đi cho gia đình và đã trả tiền mua chiếc xe cho ông T3. Ngoài ra ngày 20/9/2022 khi chồng bà mượn xe mô tô để đi thì bà không biết động cơ mục đích mượn xe để đi mua ma túy, nên bà đề nghị được xin lại chiếc xe mô tô kèm giấy đăng ký xe đang bị cơ quan chức năng tạm giữ.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, ông Chu Đức T3 trình bày và cam đoan: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx kèm 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0355xx mang tên Bàn Thị H là của ông mua trực tiếp với bà H có địa chỉ tại phường X, thành phố B vào năm 2020, có lập giấy tờ mua bán xe với bà H nhưng hiện nay không còn lưu giữ. Chiếc xe này đã được ông bán lại cho bà Vũ Thị T2 với giá 12.500.000,đ vào khoảng tháng 9/2020 và bà T2 đã trả đủ cho ông số tiền 12.500.000,đ. Nay ông không có ý kiến gì về chiếc xe mô tô đã bán cho bà T2.

Tại biên bản xác minh ngày 26/10 và 12/11/2022, Công an xã C, huyện C và Công an phường X, thành phố B cùng tỉnh Bắc Kạn đã cung cấp kết quả xác minh: Trước năm 2017, bà Bàn Thị H, sinh năm 19xx có thông tin trong dữ liệu quản lý của Công an xã C; năm 2017, bà H đã chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú đến tổ 1, phường

X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, hiện nay bà H và con trai bà H không có mặt tại địa phương và cũng không liên lạc được và Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà H theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Xuân, trình bày: Nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để cân nhắc khi quyết định mức hình phạt; cho bị cáo được hưởng mức hình phạt từ 12 đến 24 tháng tù để bị cáo có điều kiện nhận thức lỗi lầm và hoàn lương; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự cho bị cáo.

Trong quá trình, điều tra, truy tố, xét xử: Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của điều tra viên, cơ quan điều tra; kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bé Văn T phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điều 47; khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS 2015; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015): Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 20/9/2022); không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T173 B2; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 97B1-366.56 kèm 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035589 mang tên Bàn Thị H và trả lại 1/2 giá trị của chiếc xe mô tô sau khi hóa giá cho bà Vũ Thị T2. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Đức T3, bà Bàn Thị H, bà Vũ Thị T2 và người bào chữa cho bị cáo. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị phiên tòa tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Chu Đức T3, bà Vũ Thị T2 đã đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trong hồ sơ vụ án; bà Bàn Thị H đã được niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật; người bào chữa đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản luận cứ nên quyết định phiên tòa được tiếp tục xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo quy định tại Điều 291, 292 của BLTTHS 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Bé Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi liên quan và với các tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bế Văn T, do nghiện ma túy nên ngày 20/9/2022 đã tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ trái phép là 2,959g Heroine. Hành vi tàng trữ trái phép chất Heroine của bị cáo đã bị cơ quan Công an huyện N phát hiện và thu giữ vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/9/2022 tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội tàng trữ phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của BLHS 2015, nội dung điều luật quy định: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...".

Xét các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý các chất biệt dược của Nhà nước; gây ra các tệ nạn ma túy, tệ nạn xã hội; để lại hậu quả nặng nề cho gia đình có người nghiện và xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Về nhân thân: Tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo là người nghiện ma túy và đang điều trị bằng Methadone tại Trung tâm y tế huyện N nhưng vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Bế Văn K được chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng nhì theo quyết định số 83 KT/CTN ngày 12/12/1997 và thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì và hạng ba theo cùng quyết định số 08 KT/CTN ngày 10/01/2003 đã ghi sổ Huân chương lần lượt số 4266, 7877; mẹ đẻ là bà Nông Thị D được Hội đồng Nhà nước nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba số 707 KT/HĐNN ngày 13/8/1985 nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 cùng Điều 51 của BLHS 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết quyết định mức hình phạt và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để tuyên truyền pháp luật đạt hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về ma túy. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[3] Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định và là người nghiện ma túy. Tại phiên tòa, bị cáo xin được miễn hình phạt bổ sung. Từ các tình tiết trên, Hội đồng xét xử,

xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành án hình phạt bổ sung bằng tiền nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

Đối với bà Vũ Thị T2 là vợ của bị cáo, trong quá trình điều tra xác định bà T2 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn không xem xét xử lý đối với bà T2 là có căn cứ.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 20/9/2022, do không xác định được lai lịch của người này nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 02 phong bì niêm phong ký hiệu B2; 01 phong bì niêm phong ký hiệu T173 là vật chứng của vụ án và đã có kết luận giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx được xác định là phương tiện phạm tội; tuy bà Vũ Thị T2 xác định là tài sản riêng của bà T2, nhưng bà T2 không có căn cứ cho rằng chiếc xe mô tô được mua là tài sản riêng của bà T2; mặt khác tại phiên tòa bị cáo xác định chiếc xe mô tô là tài sản chung của bị cáo với bà Vũ Thị T2. Tại Điều 29 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (LHN&GD 2014) quy định: “1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập...” và tại khoản 3 Điều 33 LHN&GD 2014 quy định: “... 3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung” là phù hợp với quy định tại Điều 47 LHN&GD 2014 quy định: “Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn”. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của vợ chồng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx có kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0355xx mang tên Bàn Thị H, sinh năm 19xx, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và trả lại cho bà Vũ Thị T2 1/2 giá trị chiếc xe sau khi hóa giá theo quy định của pháp luật.

Sau có tranh chấp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS, BKS 97B1-366.xx thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự trong vụ án hình sự khi bà Bàn Thị H có yêu cầu.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 05/12/2022.

[5] Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên xét thấy cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của người bào chữa về các tình tiết liên quan đến tài sản, nhân thân

người phạm tội; điều luật áp dụng, tội danh; mức hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; quan điểm truy tố, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, 46, 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015; Điều 106, 136, 291, 292, 329, 331, 333 của BLTTHS 2015;

Căn cứ Điều 29, khoản 3 Điều 33, Điều 47 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

[1] Về tội phạm: Tuyên bố bị cáo Bế Văn T (Tên gọi khác: Không) phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 20/9/2022). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2; 01 phong bì niêm phong ký hiệu T173.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS màu vàng – đen có BKS 97B1-366.xx có kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0355xx mang tên Bàn Thị H, sinh năm 19xx, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và trả lại cho bà Vũ Thị T2 1/2 giá trị chiếc xe mô tô sau khi hóa giá theo quy định của pháp luật.

Sau có tranh chấp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIURIUS, BKS 97B1-366.xx thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự trong vụ án hình sự khi bà Bàn Thị H có yêu cầu.


Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 05/12/2022.

[4] Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Chu Đức T3, bà Bàn Thị H, bà Vũ Thị T2 vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan;
- Người bào chữa;
- VKS huyện N; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA